

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA DU LỊCH

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

| | | | |
|----------------------------------|--|-------------|------|
| Tên học phần: | Chiến lược kinh doanh spa | | |
| Mã học phần: | DDL0700 | Số tín chỉ: | 2 |
| Mã nhóm lớp học phần: | 232_DDL0700_01 | | |
| Hình thức thi: Tiểu luận | Thời gian làm bài: | 14 | Ngày |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân | <input checked="" type="checkbox"/> Nhóm | | |
| <i>Quy cách đặt tên file</i> | <i>Tên nhóm_Tên cơ sở spa</i> | | |

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 15/03/2024.**

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|--|--------------------|--|----------------|----------------|-------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày các hiểu biết cơ bản về ngành công nghiệp spa và phương pháp quản trị nhân sự | Tiểu luận | 10 | Đề bài | 1 | PI 2.4 |
| CLO2 | Trình bày những hiểu biết về marketing, hoạt động, tài chính và quản lý kho hàng | Tiểu luận | 10 | Đề bài | 1 | PI 3.3 |
| CLO3 | Thực hiện được các kỹ năng thiết lập mục tiêu marketing và triển khai các hoạt động xúc tiến quảng bá kinh doanh một cách hiệu quả | Tiểu luận | 30 | Đề bài | 3 | PI 8.4 |
| CLO4 | Tham gia làm việc nhóm và có những đề xuất mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp spa. | Tiểu luận | 50 | Đề bài | 5 | PI 7.2 |

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng

của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA MỘT DAY SPA VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KINH DOANH PHÙ HỢP NHẤT CHO DOANH NGHIỆP TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

- A. Quy định về bố cục bài làm (*Tiêu chí Cấu trúc và Trình bày*)
- Thông tin chung gồm: Tên trường; Khoa; Logo trường; Tên môn học; Tên giảng viên hướng dẫn; Tên nhóm – Danh sách sinh viên và mã số sinh viên của nhóm; mã lớp học phần.
 - Mục lục
 - Lời giới thiệu
 - Phần 1: Giới thiệu năng lực doanh nghiệp kinh doanh spa: logo (nếu có), thời gian thành lập, slogan, cơ cấu tổ chức, địa điểm kinh doanh...
 - Phần 2: Phân tích tình hình kinh doanh SWOT và đề xuất (các) chiến lược tương ứng
 - Phần 3: Mẫu thiết kế quảng cáo
 - Kết luận
 - Tài liệu tham khảo và Phụ lục.
- B. Dựa vào lý thuyết phân tích kinh doanh đã học, sinh viên được yêu cầu phân tích SWOT của một day spa tại TP HCM (giảng viên chỉ định khu vực), đề xuất các chiến lược kinh doanh tương ứng qua phân tích ma trận SWOT trong bối cảnh hiện tại. (*Tiêu chí Cấu trúc, Nội dung*)
- C. Dựa vào phân tích (B) và kiến thức về Marketing đã học, sinh viên thiết kế mẫu quảng cáo phù hợp cho day spa. (*Tiêu chí Nội dung*)
- D. Đính kèm Phân tích (B) và Mẫu thiết kế (C), sinh viên chuẩn bị thêm các nội dung giới thiệu doanh nghiệp của mình đến khách hàng để đảm bảo thông tin được cụ thể, hấp dẫn và chứng minh được năng lực của doanh nghiệp mình. (*Tiêu chí Nội dung*)
- E. Các lưu ý và quy định khác (*Tiêu chí Trình bày, Trích dẫn tài liệu tham khảo, và Câu văn từ ngữ*)
- 1) Về tính chính xác của cơ sở kinh doanh spa:
 - Chỉ lựa chọn cơ sở kinh doanh spa trong khu vực được giảng viên chỉ định, đảm bảo tính chính xác của địa điểm và kèm minh chứng về cơ sở.
 - Cơ sở kinh doanh spa được yêu cầu phân tích có cơ cấu tổ chức từ 4 nhân viên trở lên, có công khai giá dịch vụ.
 - 2) Về trình bày bài tiểu luận và quy định quyền tác giả:

- Sử dụng mục lục tự động (bắt buộc)
- Giãn dòng 1.5, cỡ chữ 13, font Times New Roman, căn lề trái 3cm, lề phải 2cm, hàng đầu tiên của 1 đoạn văn, lùi vào 1 cm.
- Tổng số trang từ 25 đến 30 trang (không tính bìa), **nội dung cô đọng** trong 5000 – 6000 từ.
- Các hình ảnh, bảng biểu phải được đánh số thứ tự và có chú thích, tổng hợp lại trong phần Phụ lục
- Thông tin thành viên (mỗi nhóm tối đa 6 sinh viên) được thể hiện rõ trên một (01) trang phần Phụ lục (MSSV, lớp, nhóm trưởng, nội dung được phân công, tỷ lệ đóng góp).
- Điểm báo cáo cuối kỳ chiếm 50% tổng điểm học phần. Điểm cuối cùng cho mỗi cá nhân được tính: Tổng điểm bài tiểu luận nhân với đánh giá tỷ lệ đóng góp.
Ví dụ: 7,75 điểm x 85% = 6,58 điểm
- Có trích dẫn tài liệu tham khảo theo chuẩn APA 7th
- Bài sao chép nguyên văn hoặc 20% trở lên: Không (0) điểm.

3. Rubric và thang điểm

Rubric 1: Đánh giá tiểu luận cuối kì

| Tiêu chí | Trọng số % | Tốt Từ 8 – 10đ | Khá Từ 6 – dưới 8đ | Trung bình Từ 4 – dưới 6đ | Yếu Dưới 4đ |
|-----------------|------------|---|---|---|--|
| Cấu trúc | 20% | Xác định rõ ràng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức rất hợp lý. Có sự liên kết chặt chẽ giữa các chương. | Xác định được mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức hợp lý. Có sự liên kết giữa các chương. | Chưa xác định rõ mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức chưa hợp lý. Thiếu sự liên kết giữa các chương. | Xác định không đúng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức không hợp lý. Không có sự liên kết giữa các chương. |
| Nội dung | 50% | Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. | Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. | Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều | Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích |

| | | | | | |
|--|-----|--|--|--|---|
| | | cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở. | quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở. | phân tích nhận định không có cơ sở. | nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau. |
| Trích dẫn và tài liệu tham khảo | 10% | Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán) | Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ. | Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn. | Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn. |
| Câu văn và từ ngữ | 10% | Triển khai các ý rõ ràng, liên mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả. | Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả. | Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả. | Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả. |
| Trình bày | 10% | Trình bày rõ ràng, dễ nhìn, tuân thủ quy định trình bày của GV. Toàn bài sử dụng quy cách | Trình bày rõ ràng, dễ nhìn, tuân thủ quy định trình bày của GV. Còn 3-5 chỗ chưa sử dụng | Trình bày rõ ràng, có tuân thủ quy định trình bày của GV. Còn 5-7 chỗ chưa sử dụng quy | Trình bày cầu thả, không tuân thủ quy định trình bày của GV. Toàn bài chưa sử dụng quy cách |

| | | | | | |
|--|-------------|---------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------|
| | | trình bày đồng nhất | quy cách trình bày đồng nhất | cách trình bày đồng nhất | trình bày đồng nhất |
| | 100% | | | | |

Rubric 2: Đánh giá cá nhân trong Làm việc nhóm (Nhóm tự đánh giá các thành viên)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
|------------------------------|--------------|-----------------------------|-----------------------------|--|---|
| Thời gian tham gia họp nhóm | 15 | Tham dự tất cả các buổi họp | Tham dự 75% các buổi họp | Tham dự 50% số buổi họp | Không tham gia họp nhóm |
| Thái độ tham gia | 15 | Tích cực | Khá tích cực | Đôi khi còn lơ là | Không hợp tác |
| Ý kiến đóng góp | 20 | Sáng tạo, rất hữu ích | Hữu ích | Tương đối hữu ích | Không hữu ích |
| Thời gian giao nộp sản phẩm | 20 | Đúng hạn | Trễ ít, không gây ảnh hưởng | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng nhưng đã khắc phục | Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục |
| Chất lượng sản phẩm giao nộp | 30 | Đáp ứng tốt/Sáng tạo | Đáp ứng khá tốt yêu cầu | Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng | Không sử dụng được |
| Tổng | 100 | | | | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh

Bùi Thị Thái Hà